

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 137/2021/QĐST-DSST;

Hoài Đức, ngày 13 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 140/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2021;

Căn cứ vào Điểm a, Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** + Ông **H**, sinh năm 1938

+ Bà **T**, sinh năm 1939

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Đ, Hoài Đức, Hà Nội.

*** Bị đơn:** Anh **VT**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, Hoài Đức, Hà Nội

Anh **M**, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, Hoài Đức, Hà Nội

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị **X**, sinh năm 1960

2. Chị D, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Đ, Hoài Đức, Hà Nội

3. Chị M, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ **Về nguồn gốc tài sản:** Gia đình ông H, bà T và các con được sử dụng các tài sản gồm:

Đất thổ cư: Thừa số 210, tờ bản đồ 4c, diện tích 468,0m² tại thôn P, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Đất trồng cây hàng năm khác (Đất kinh tế phụ gia đình, đất %): Thừa số 257, tờ bản đồ 4E, diện tích 236m² tại thôn P, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Đất nông nghiệp (Đất trồng lúa):

+ Thừa số 314/127, tờ bản đồ số 3, diện tích 374m² tại Khu đồng Dãy, thôn P, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Thừa số 23, tờ bản đồ số 2, diện tích 200m² tại Khu Cửa Nghệ, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Toàn bộ các Thừa đất nêu trên đã được UBND huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H.

Đất giao trái thẩm quyền: 124,1m² tại Khu Chợ Đ, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Các bên đương sự thống nhất ngoài các tài sản nêu trên, không còn tài sản nào khác.

Phân chia tài sản như sau:

I. Về đất thổ cư:

+ Ông H được quyền sử dụng Thừa số 210-1, tờ bản đồ 4c tại thôn P, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, diện tích **152,0m²** có giá trị 456.000.000đ (Bốn trăm năm mươi sáu triệu đồng).

+ Ông VT được quyền sử dụng Thửa số 210-2, tờ bản đồ 4c tại thôn P, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, diện tích **177,0m²** có giá trị 531.000.000đ (Năm trăm ba mươi một triệu đồng).

+ Ông M được sử dụng Thửa số 210-3, tờ bản đồ 4c tại thôn P, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, diện tích **103,9m²** có giá trị 311.700.000đ (Ba trăm mười một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Thửa đất số 210-4 có diện tích 35.1m² là ngõ đi chung của các thửa đất số 210-1, thửa 210-2 và thửa 210-3.

II. Về đất nông nghiệp:

1. Đất trồng cây hàng năm khác (Đất kinh tế phụ gia đình, đất %), đất trồng lúa:

+ Chị D được quyền sử dụng Thửa đất số 275-1, diện tích **60,0m²** có giá trị 9.780.000đ (Chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) thuộc Thửa số 257, tờ bản đồ 4E tại thôn P, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Chị M được quyền sử dụng Thửa đất số 275-2, diện tích **60,0m²** có giá trị 9.780.000đ (Chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) thuộc Thửa số 257, tờ bản đồ 4E tại thôn P, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Ông H được quyền sử dụng Thửa đất số 275-3, diện tích **56,0m²** có giá trị 9.128.000đ (Chín triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng) thuộc Thửa số 257, tờ bản đồ 4E tại thôn P, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Anh VT được quyền sử dụng Thửa đất số 275-4, diện tích **60,0m²** có giá trị 9.780.000đ (Chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) thuộc Thửa số 257, tờ bản đồ 4E tại thôn P, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Ông H được quyền sử dụng Thửa số 23, tờ bản đồ số 02, diện tích 200m² tại Khu Cửa Nghệ, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội có giá trị 32.600.000đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

+ Ông H được quyền sử dụng Thửa số 314/127-1, tờ bản đồ số 03, diện tích 280m² tại Khu Đồng Dã, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội có giá trị 45.640.000đ (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

+ Chị D được quyền sử dụng Thửa số 314/127-2, tờ bản đồ số 03, diện tích 94m² tại Khu Đồng Dãy, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội có giá trị 15.322.000đ (Mười lăm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng).

2. Đất giao trái thẩm quyền: Anh M được quyền sử dụng diện tích đất 124,1m² tại Khu Chợ Đ, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội có giá trị 248.200.000đ (Hai trăm bốn mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng).

Công trình có trên phần đất của ai người đó được hưởng; các bên không phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho nhau.

Các bên đã tự nguyện giao nhận cho nhau xong toàn bộ tài sản nêu trên.

Có sơ đồ phân định ranh giới đất kèm theo.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đất.

2. Về án phí:

+ Ông H, bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

+ Anh M, anh VT đều có đơn xin miễn giảm án phí do công việc bị tác động bởi dịch Covid – 19, xét có căn cứ giảm cho các đương sự 60% số án phí. Cụ thể:

- Anh VT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.800.000đ (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng). Giảm 60%, anh Trường còn phải nộp 5.120.000đ (Năm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

- Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.942.000đ (Bảy triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Giảm 60%, anh Minh còn phải nộp 3.176.000đ (Ba triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

+ Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 627.500đ (Sáu trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

+ Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Hải